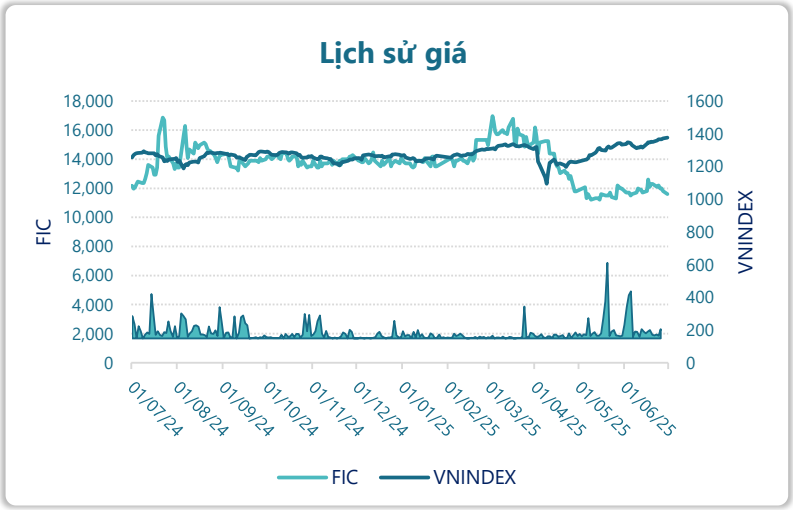
FireAnt

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP (UPCOM: FIC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,962
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,212
SL cổ phiếu LH	127,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,115
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,473
P/E	14.9
EPS	777

DT thuần

Q2/25

342

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 61.0| 21.7%

YoY: ▼41.0| -10.7%

LN sau thuế

Q2/25

58.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.8| 387%

YoY: ▲ 12.1| 25.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

21.2%

+/- YoY: ▲ 5.6%

DT thuần

6T 2025

623

tỷ VNĐ

YoY: ▼50.0| -7.4%

LN sau thuế

6T 2025

71.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.7| 28.4%

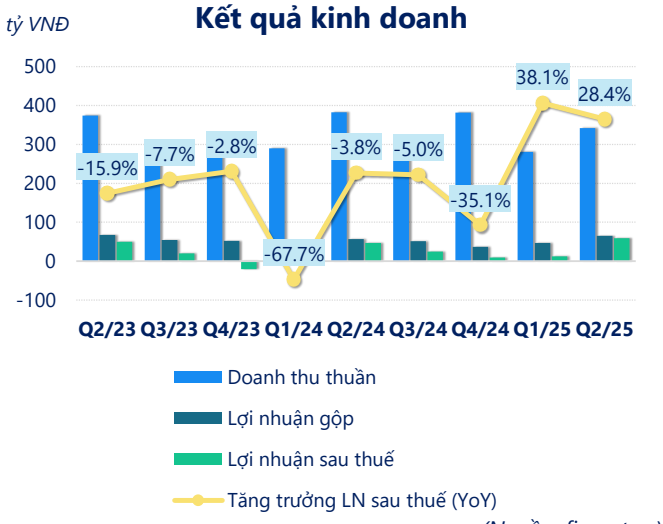
ROE

Q2/25

6.2%

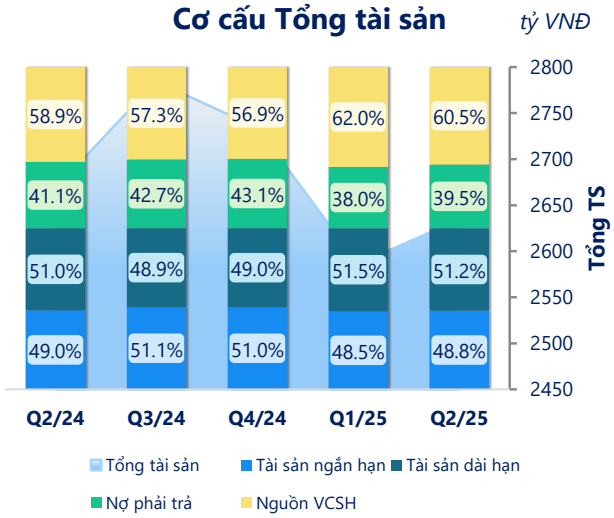
+/- YoY: ▲ 2.8%

Kết quả kinh doanh



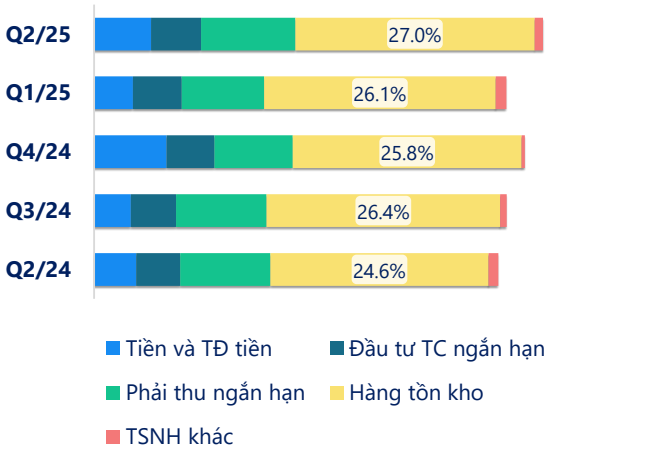
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



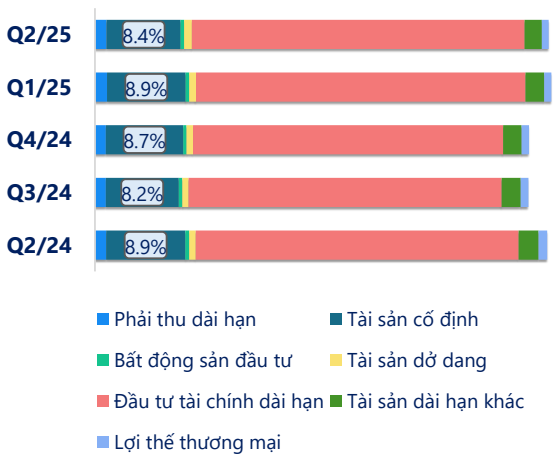
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



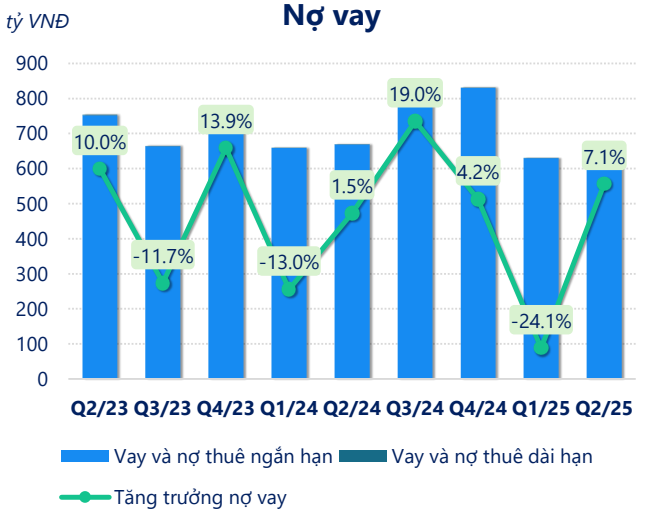
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



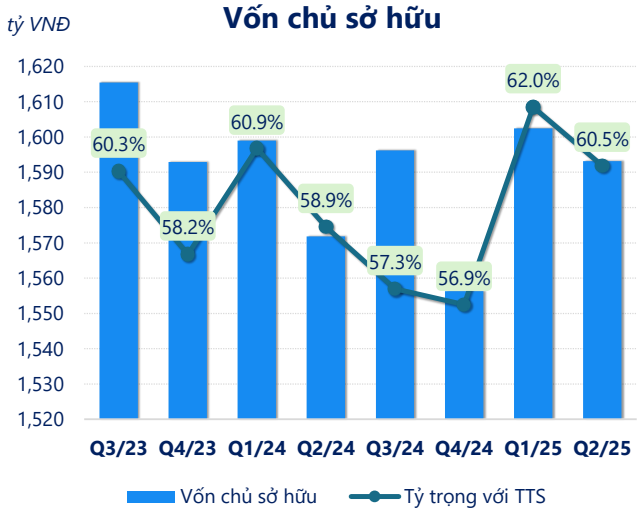
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



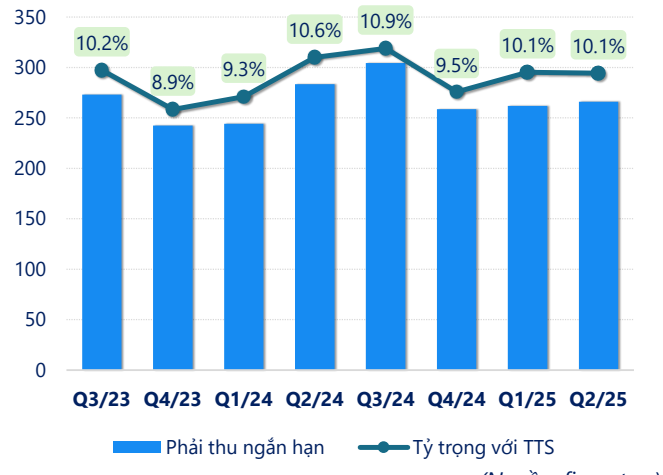
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



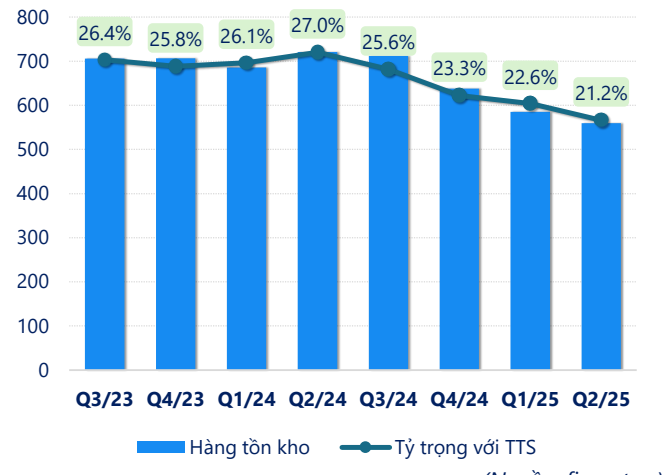
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



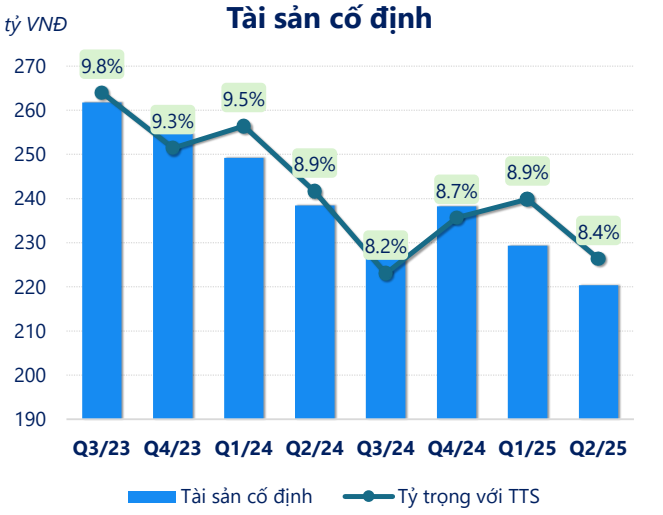
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



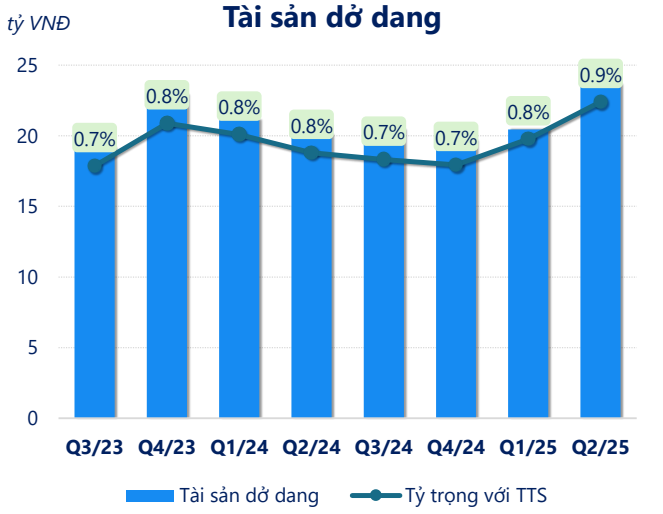
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



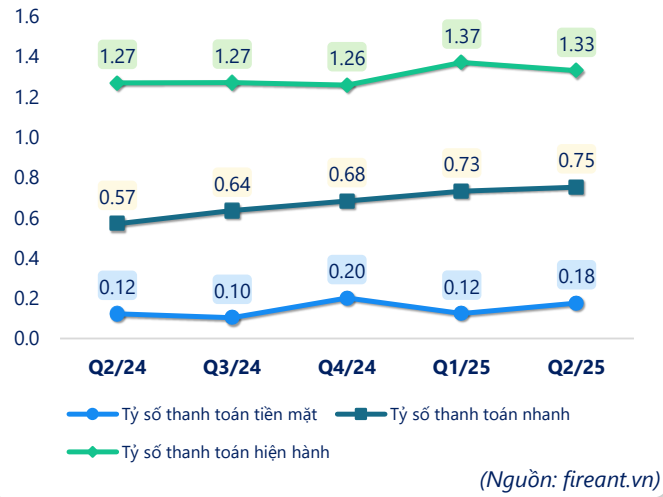
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



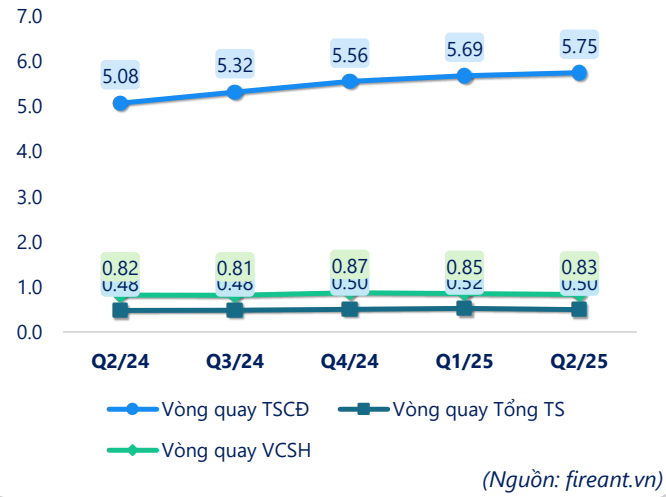
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,668**	**2,784**	**2,734**	**2,586**	**2,635**
Tài sản ngắn hạn	**1,307**	**1,422**	**1,395**	**1,254**	**1,286**
Tiền và tương đương tiền	127	116	223	113	170
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150	273	270	269	275
Phải thu ngắn hạn	283	304	259	262	266
Hàng tồn kho	721	712	638	585	559
Tài sản ngắn hạn khác	25.7	17.1	5.69	24.3	16.5
Tài sản dài hạn	**1,361**	**1,362**	**1,339**	**1,332**	**1,349**
Phải thu dài hạn	33.4	33.8	33.8	35.1	34.5
Tài sản cố định	238	229	238	229	220
Bất động sản đầu tư	11.4	11.0	10.6	10.3	9.88
Tài sản dở dang	20.1	20.4	19.6	20.4	23.6
Đầu tư tài chính dài hạn	972	983	957	961	988
Tài sản dài hạn khác	60.0	60.3	57.0	54.2	52.0
Lợi thế thương mại	26.0	24.5	22.9	21.3	19.8
Nợ phải trả	**1,096**	**1,188**	**1,178**	**984**	**1,041**
Nợ ngắn hạn	**1,029**	**1,118**	**1,108**	**915**	**967**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	669	797	830	630	671
Phải trả người bán ngắn hạn	125	105	67.3	56.0	74.1
Nợ dài hạn	67.7	70.1	69.6	69.1	74.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0.31	0.23	0.15	0.08	3.35
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,572**	**1,596**	**1,556**	**1,602**	**1,593**
Vốn chủ sở hữu	**1,572**	**1,596**	**1,556**	**1,602**	**1,593**
Vốn điều lệ	1,270	1,270	1,270	1,270	1,270
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)